

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1345/2018/ST-HNGĐ
Ngày 26 tháng 11 năm 2018
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Thái Hồ

2. Bà Hoàng Thị Thanh Mai

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân
quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành
phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 641/2018/HNST
ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 322/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm
2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11
năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 112 Lô A, chung cư, phường T, quận T, Thành phố H.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Xuân Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 112 Lô A, chung cư Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận T, Thành phố H
theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215/2004, quyển số 01/P.12 ngày 24/11/2004 nhưng
không có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau tại địa chỉ
112 Chung cư Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

Quá trình sống chung, đến đầu năm 2007 thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm, hai bên thường xuyên tranh cãi, gây gổ với nhau do bất đồng ý kiến, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông Q vương vào cờ bạc, nợ nần khiến cho gia đình, xã hội đến tận nhà đòi tiền, bà phải là người đứng ra trả số tiền trên cho ông Q. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2005. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Đặng Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Giấy đăng ký kết hôn số 215/2004, quyển số 01/P.12 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận T, Thành phố H cấp ngày 24/11/2004 cho ông Đặng Xuân Q và bà Nguyễn Thị Kim L thể hiện hôn nhân giữa ông Q và bà L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà L khởi kiện ông Q hiện đang cư ngụ tại quận T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Đặng Xuân Q đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng; Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đặng Xuân Q và bà Nguyễn Thị Kim L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận T, Thành phố H ngày 24/11/2004. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L xác định sau khi kết hôn ông Q ham mê cờ bạc, thường xuyên vay tín dụng đen. Từ tháng 5/2018 đến nay ông Q bỏ đi không liên lạc, thăm hỏi vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân bà L, ông Q có xảy ra mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không có đời sống chung vợ chồng, hai người ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà L cương quyết xin ly hôn với ông Q, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông Q mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;... vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...”; Tòa án đã triệu tập ông Q để tham gia phiên tòa nhưng không có mặt, thể hiện ông Q không quan tâm đến kết quả xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

3.2. Về quan hệ con chung: Ông Q, bà L có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2005. Bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Theo nguyện vọng của cháu Đăng K là được sống với bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại cháu Đăng K đang sống với bà L, để ổn định tâm lý, cuộc sống cũng như phù hợp nguyện vọng của cháu. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 2 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2005 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Q do bà L không yêu cầu.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm đ khoản 4 Điều 189; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L ly hôn ông Đặng Xuân Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Đặng Xuân Q theo Giấy đăng ký kết hôn số 215/2004, quyển số 01/P.12 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận T, Thành phố H cấp ngày 24/11/2004 chấm dứt kể từ ngày bản án Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung tên Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2005 cho đến khi thành niên và được quyền yêu cầu ông Đặng Xuân Q cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà L. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đặng Xuân Q do bà L không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0011309 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, bị đơn ông Đặng Xuân Q không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- UBND Phường 12, quận T, Tp.H (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa